

Số: /KH-UBND

Sơn Mai, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn xã Sơn Mai

Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 08/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Ủy ban nhân dân xã Sơn Mai ban hành Kế hoạch phát triển Chính quyền số trên địa bàn xã Sơn Mai giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Chuyển đổi số toàn diện trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã, bảo đảm mọi hoạt động tham mưu, xử lý công việc, quản lý, quản trị nội bộ, lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực; quản trị dựa trên kết quả. Kế thừa kết quả đã có, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, liên thông, chia sẻ dữ liệu, không trùng lặp trong toàn hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương, phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp.

2. Phát triển các dịch vụ số bao trùm, rộng khắp dựa trên nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, đối tượng phục vụ, đồng sáng tạo các dịch vụ số, lấy người dùng làm trung tâm với hệ sinh thái dịch vụ hợp nhất, không ai bị bỏ lại phía sau.

3. Phát triển hạ tầng số, công nghệ số đồng bộ, hiện đại, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí. Triển khai hiệu quả các nền tảng số dùng chung của tỉnh và cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo hướng phát triển tập trung, thống nhất; bảo đảm tránh trùng lặp và bảo đảm kết nối, liên thông đồng bộ.

4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và đạo đức trong ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) là nguyên tắc tiên quyết, xuyên suốt trong quá trình phát triển Chính quyền số. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu, công nghệ số phải minh bạch, đi đôi với trách nhiệm giải trình, bảo vệ quyền riêng tư, tôn trọng các giá trị đạo đức, bảo đảm công bằng và tạo dựng niềm tin số trong toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Chính quyền số xã Sơn Mai hiện đại, hoạt động dựa trên nền tảng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo; từng bước hình thành Chính quyền thông minh có năng lực quản trị chủ động, dự báo chính xác, cung cấp dịch vụ công chất lượng cao, được cá thể hóa theo nhu cầu của người dân và doanh nghiệp;

bảo đảm hiệu quả quản lý, tính minh bạch và an toàn trong toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026 - 2027

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.
- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các bộ, ngành trung ương triển khai đến cấp xã được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn xã.
- 100% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.
- 100% chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.
- 100% nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho xã được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

b) Giai đoạn 2028 - 2030

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.
- 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 80% thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công được khai thác, sử dụng lại.
- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.
- Xã sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.
- 25% đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế

- Kịp thời triển khai, truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về phát triển Chính phủ số, Chính quyền số đến các cơ quan nhà nước, tổ chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn xã.

- Xây dựng và ban hành các chính sách, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành của UBND xã để thúc đẩy phát triển Chính quyền số trên địa bàn xã.

- Thường xuyên cập nhật Kiến trúc số tổng thể tỉnh Quảng Ngãi, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển Chính quyền số và thống nhất với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

- Phối hợp xây dựng, rà soát và cập nhật danh mục các nền tảng số dùng chung của tỉnh, nhằm bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị.

- Triển khai áp dụng hướng dẫn kỹ thuật về mức độ ứng dụng AI trong dịch vụ công trực tuyến, làm rõ khái niệm, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá mức độ cá thể hóa, chủ động, gợi ý hành động.

2. Phát triển dữ liệu số

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác, tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.

- Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu **“đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”**, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Phối hợp cung cấp, cập nhật danh mục dữ liệu mở của tỉnh, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở. Việc cung cấp dữ liệu mở được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành.

3. Phát triển các ứng dụng, nền tảng số cho Chính quyền số

Phối hợp phát triển, hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu của tỉnh; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới; Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh; Nền tảng AI của tỉnh bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng.

4. Phát triển hạ tầng phục vụ Chính quyền số

Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số phục vụ Chính quyền số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền số theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

5. Bảo đảm an ninh mạng

- Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn kỹ thuật về lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin.

- Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.

6. Phát triển nhân lực số

- Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Phối hợp triển khai khung chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Tham gia bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

- Phối hợp tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hằng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp.

7. Hợp tác với các địa phương trong nước

Xây dựng và triển khai chương trình hợp tác với các xã trong tỉnh và ngoài tỉnh về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu mở, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

8. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai

Triển khai Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí cho phát triển Chính quyền số được lấy từ kinh phí bố trí cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm và huy động từ các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

2. Hằng năm bảo đảm bố trí ngân sách xã cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp với chỉ tiêu quy định theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng và trình UBND xã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện hằng năm.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị trên địa bàn xã trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Là đầu mối tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này và Kế hoạch hằng năm, định kỳ báo cáo UBND xã (*Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hằng năm trước ngày 30 tháng 11*).

2. Phòng Kinh tế: Trên cơ sở nhu cầu của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, Phòng kinh tế tổng hợp, tham mưu UBND xã bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

3. Trung tâm cung ứng dịch vụ công: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

4. Các cơ quan, ban ngành trên địa bàn xã

Trực tiếp chỉ đạo đơn vị mình; chịu trách nhiệm trước UBND xã về việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/cáo);
- Thường trực: ĐU, HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Các phòng, trung tâm, đơn vị thuộc UBND xã;
- BCH quân sự xã;
- Công an xã;
- CVP, PCVP xã;
- Trang tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá
I	Giai đoạn 2026-2027		
I.1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh		
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công
2	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công
3	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	95%	Trung tâm phục vụ hành chính công
I.2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu		
1	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%	Văn phòng HĐND&UBND xã
2	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.	100%	Văn phòng HĐND&UBND xã
3	Tỷ lệ nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho xã được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	100%	Văn phòng HĐND&UBND xã

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá
4	UBND cấp xã đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	100%	Văn phòng HĐND&UBND xã
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
6	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của UBND xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	50%	Phòng Văn hóa – Xã hội
II	Giai đoạn 2028-2030		
II.1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh		
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	99%	Trung tâm phục vụ hành chính công
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.	50%	Trung tâm phục vụ hành chính công
3	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.	100%	Công an xã; phòng Văn hóa – Xã hội
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công
5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công.	80%	Trung tâm phục vụ hành chính công
II.2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu		
1	Tỷ lệ UBND xã đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	100%	Công an xã
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.	100%	Văn phòng HĐND và UBND xã

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá
3	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
4	Tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.	25%	Phòng Văn hóa – Xã hội
5	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của UBND xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	100%	Công an xã
6	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.	100%	Văn phòng HĐND và UBND xã

Phụ lục II
CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện thể chế				
1	Phối hợp góp ý với Sở, ngành trong quá trình xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, an ninh dữ liệu và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Các cơ quan chuyên môn theo chức năng nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách	Phòng Văn hóa – Xã hội	Văn bản góp ý	Theo yêu cầu của Sở, ngành
2	Phối hợp xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các cơ quan chuyên môn xã	Khung kiến trúc số được cập nhật phù hợp yêu cầu	Năm 2026-2030
3	Xây dựng, điều chỉnh tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm theo từng lĩnh vực quản lý, bổ sung yêu cầu kỹ năng số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và công cụ làm việc của vị trí, trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực số quốc gia và các quy định hiện hành.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các cơ quan chuyên môn xã	Tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm được ban hành	Năm 2026-2030
II	Phát triển dữ liệu số				
1	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất	Các cơ quan chuyên môn xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	đại.				
2	Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Các cơ quan chuyên môn xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
3	Hoàn thành xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	Các cơ quan chuyên môn xã	Phòng Văn hoá - Xã hội; Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
III	Phát triển các ứng dụng, nền tảng số cho Chính quyền số				
1	Tham gia hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Các cơ quan chuyên môn xã	Phòng Văn hoá - Xã hội; Trung tâm Phục vụ hành chính công	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Quý II/2026
2	Tham gia xây dựng, phát triển Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu của tỉnh	Phòng Văn hoá -Xã hội	Các cơ quan chuyên môn xã	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
3	Tham gia phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới.	Phòng Văn hoá -Xã hội	Các cơ quan chuyên môn xã	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
4	Tham gia phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều	Văn phòng HĐND -	Các cơ quan	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục	Năm

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	hành của tỉnh	UBND	chuyên môn xã	tiêu của từng thời kỳ	2026-2030
5	Tham gia phát triển, hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Phòng Văn hoá -Xã hội	Các cơ quan chuyên môn xã	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
IV	Phát triển hạ tầng phục vụ Chính quyền số				
1	Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số phục vụ Chính quyền số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.	Phòng Văn hoá -Xã hội	Các cơ quan chuyên môn xã	Hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ số, Chính quyền số	Năm 2026-2030
2	Phối hợp triển khai bảo mật Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước theo hướng mở rộng, thống nhất và dùng chung cho toàn hệ thống chính trị, phục vụ gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, Tối Mật. Các nền tảng và ứng dụng dùng chung của tỉnh được kết nối trên mạng này, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu.	Văn phòng HĐND và UBND xã	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn xã; Các cơ quan, ban, ngành; đơn vị thuộc UBND xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
V	Bảo đảm an ninh mạng				

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
1	Trình phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.	Văn phòng HĐND và UBND xã	Phòng Văn hóa – xã hội	Quyết định phê duyệt; Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt đối với hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã	Văn phòng HĐND và UBND xã	Phòng Văn hóa – xã hội	Báo cáo triển khai	Năm 2026-2030
VI	Phát triển nhân lực số				
1	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.	Các cơ quan chuyên môn xã	Công an xã; Phòng Văn hóa – xã hội	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Triển khai khung chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.	Công an xã	Các cơ quan chuyên môn	Báo cáo thực hiện	Sau khi Khung chương trình đào tạo được ban hành

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
3	Tham gia xây dựng chương trình, tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.	Phòng Văn hóa – xã hội	Các cơ quan chuyên môn	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
4	Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước về Chính phủ số, Chính quyền số; Khung Kiến trúc Chính phủ số, Kiến trúc tổng thể số cấp tỉnh và bảo đảm an ninh mạng.	Phòng Văn hóa – xã hội	Các cơ quan chuyên môn	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
VII	Hợp tác trong và ngoài tỉnh				
1	Tăng cường hợp tác trong và tỉnh nhằm học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu mở, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.	Phòng Văn hóa – xã hội	Các cơ quan chuyên môn	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
VIII	Bảo đảm kinh phí				
1	Kinh phí cho phát triển Chính quyền số được lấy từ kinh phí bố trí cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng năm. Điều chỉnh trong dự toán ngân sách nhà	Phòng kinh tế	Các cơ quan chuyên môn	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	nước năm 2026 để bố trí tối thiểu 3% ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.				
IX	Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai				
1	Cập nhật Bộ chỉ số đánh giá chuyên đổi số xã và triển khai đánh giá hằng năm.	Phòng Văn hóa – xã hội	Các cơ quan chuyên môn	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030